

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm khi khối ngoại quay trở lại mua ròng mạnh trong ngày ETFs cơ cấu danh mục

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến tích cực ở thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

GEX, TCM

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tập trung vào việc quản lý tỷ trọng ở mức vừa phải và ưu tiên cho các vị thế ngắn hạn. Việc giảm 1 phần tỷ trọng có thể được cân nhắc trong trường hợp chỉ số tiếp tục đi lên nhưng thanh khoản sụt giảm

18/06/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,377.77	+1.31
VN30	1,481.30	+1.33
HĐTL VN30F1M	1,485.00	+1.58
HNXIndex	318.73	+0.52
HNX30	505.52	+0.58
UPCoM	90.22	+0.75
USD/VND	23,010	+0.20
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.17	-2
Lãi suất qua đêm (%)	1.06	+14
Dầu (WTI, \$)	70.81	-0.32
Vàng (LME, \$)	1,792.42	+1.07



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,377.77 (+1.31%)
KLGD (triệu CP) 809.5 (+14.9%)
GTGD (triệu US\$) 1,031.5 (+5.2%)

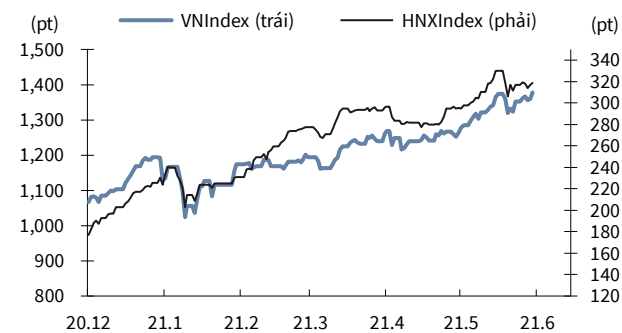
HNXIndex 318.73 (+0.52%)
KLGD (triệu CP) 139.5 (-8.2%)
GTGD (triệu US\$) 124.5 (-14.2%)

UPCoM 90.22 (+0.75%)
KLGD (triệu CP) 165.9 (+127.5%)
GTGD (triệu US\$) 76.2 (+39.9%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +13.7

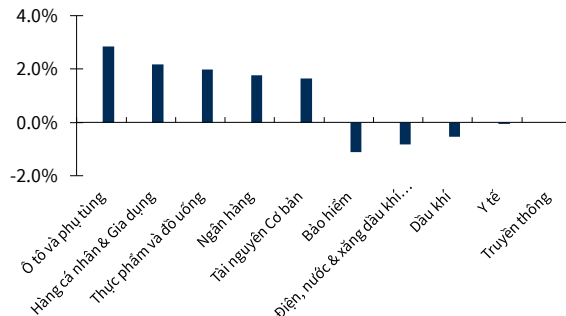
TTCK Việt Nam tăng điểm khi khối ngoại quay trở lại mua ròng mạnh trong ngày ETFs cơ cấu danh mục. Bộ Công Thương thông tin sau khi Việt Nam áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp sơ bộ với sản phẩm mía đường có xuất xứ từ Thái Lan, sản lượng nhập khẩu giảm 75% từ mức bình quân 110,000 tấn vào 2020, xuống 28,000 tấn giúp cổ phiếu ngành mía đường tăng giá ở SBT (+1.1%), QNS (+0.9%). Cổ phiếu nhóm cảng biển tăng giá ở SGP (+4.0%), TCL +1.9%) trước số liệu Cục Hàng hải Việt Nam, tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam tháng 5 đạt 63.9 triệu tấn (+5% YoY), trong đó hàng container đạt 2.2 triệu Teus (+35% YoY). Đại diện Bộ Công Thương dự báo giá phân bón sẽ tiếp tục leo cao từ giờ đến cuối năm tác động tích cực đến cổ phiếu phân đạm ở DDV (+7.5%), DPM (+5.3%). Khối ngoại mua ròng ở PDR (+0.4%), HSG (+2.9%), APH (+6.4%).

VNIndex & HNXIndex



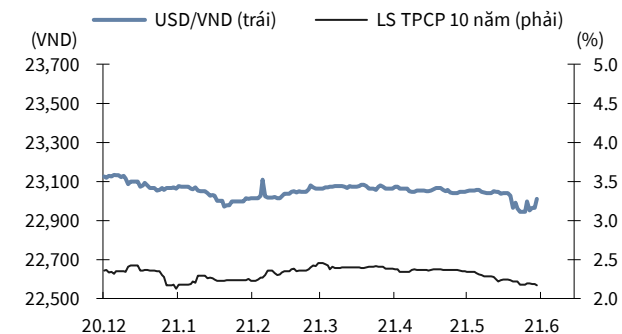
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

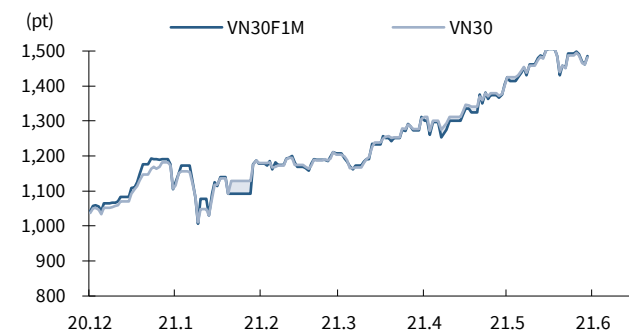
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,481.30 (+1.33%)
VN30F1M	1,485.0 (+1.58%)
Mở cửa	1,470.0
Cao nhất	1,491.7
Thấp nhất	1,469.0

HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến tích cực ở thị trường cơ sở. Chênh lệch mở cửa ở 2.0 điểm, tăng lên mức cao nhất trong ngày vào đầu phiên chiều ở 10.4 điểm trước khi giảm dần xuống 3.7 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức trung bình cao, nhà đầu tư nước ngoài đẩy mạnh mua ròng ở F2107.

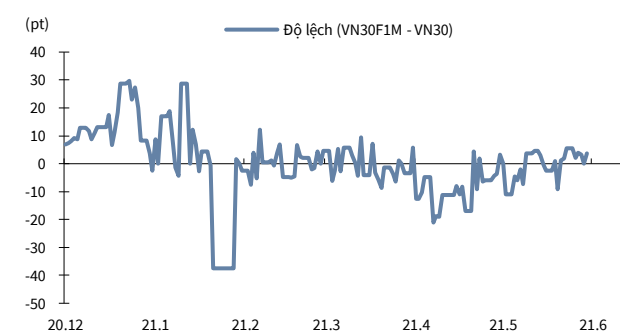
KLGD (HĐ) **211,988 (+3.9%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



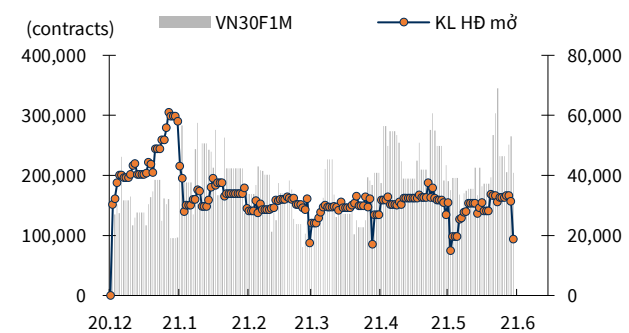
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



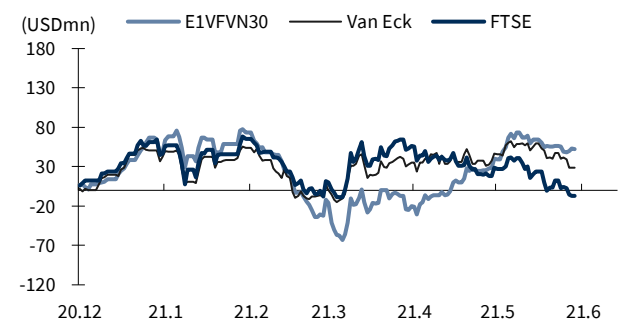
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

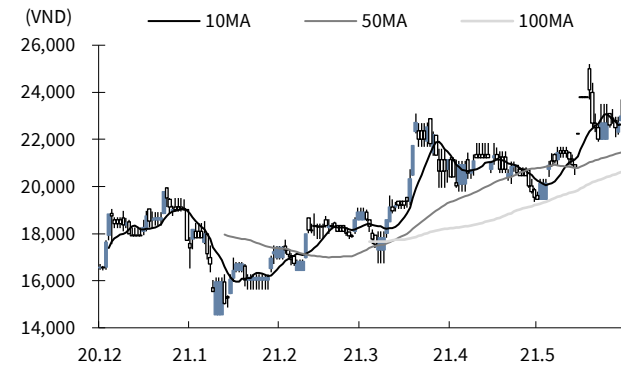
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

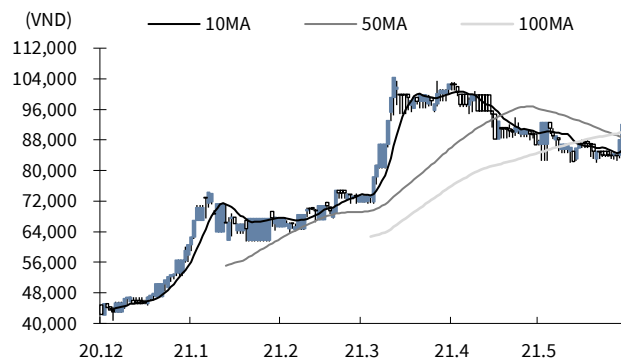
Gelex (GEX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GEX tăng 1.3% lên 23,000 VNĐ/cp.
- Năm 2021, với việc hợp nhất được Viglacera, Gelex đặt mục tiêu đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 1.285 tỷ đồng (+7% YoY) và tổng doanh thu 28,540 tỷ đồng. Gelex sẽ hoàn thành dự án CadiviTower trong quý IV và vận hành thương mại các dự án Điện gió Hướng Phùng 2,3 và Quảng Trị 1,2,3 vào tháng 9.

Dệt may Thành Công (TCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TCM tăng 4.5% lên 92,000 VNĐ/cp.
- TCM cho biết lợi nhuận tháng 5 đạt 16 tỷ đồng (-45% YoY) và doanh thu đạt 311 tỷ đồng (-2.5% YoY) do năm nay không có đơn hàng khẩu trang, bảo hộ y tế và vải anti virus. Trong cơ cấu doanh thu tháng 5, tỷ trọng hàng may mặc giảm từ mức 72% xuống 68% nhưng tỷ trọng vải tăng đáng kể từ 14% lên 20% để tận dụng các hiệp định thương mại tự do EVFTA.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

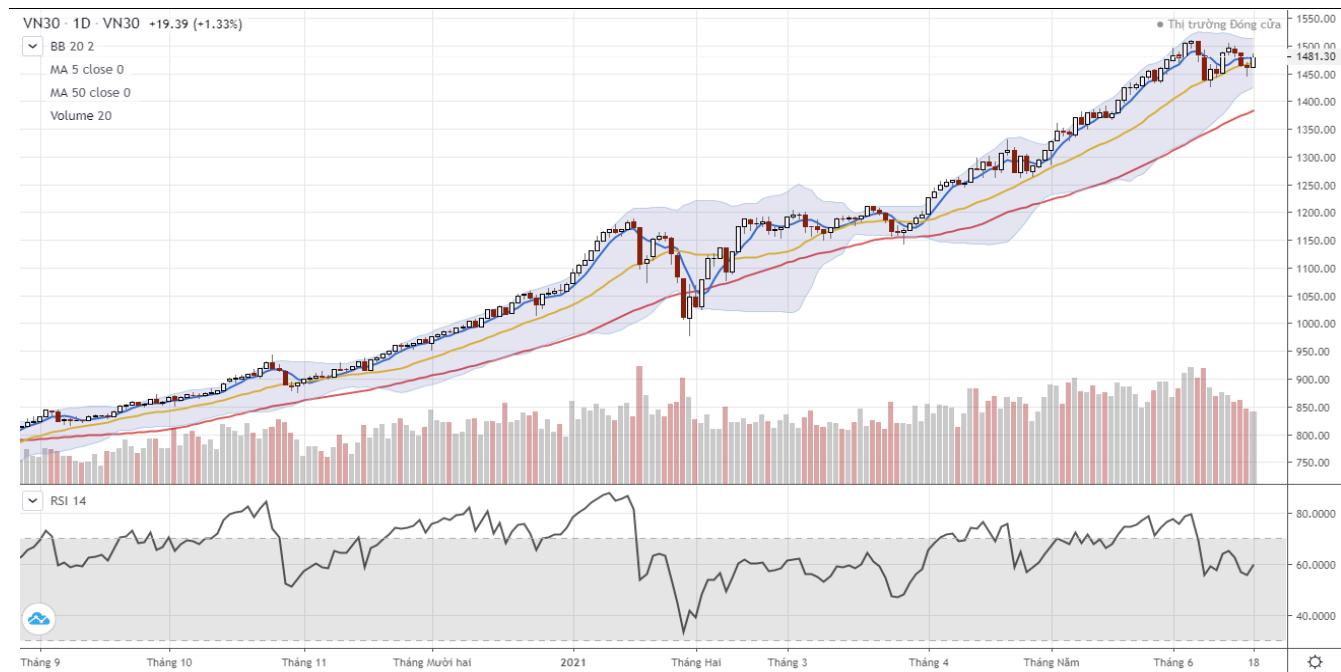
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tiếp tục đà hồi phục với các nhịp tăng gổ đầu trong phiên.
- Xu hướng tăng vẫn đang được giữ vững khi chỉ số đã chạm vượt đỉnh ngắn hạn đồng thời xác lập đỉnh lịch sử mới. Đích kỳ vọng/vùng kháng cự tâm lý tiếp theo được xác định tại vùng 140x và thị trường cần duy trì quy mô thanh khoản cũng như mức độ lan tỏa của dòng tiền để có cơ hội chinh phục được mốc điểm này.
- NĐT được khuyến nghị tập trung vào việc quản lý tỷ trọng ở mức vừa phải và ưu tiên cho các vị thế ngắn hạn. Việc giảm 1 phần tỷ trọng có thể được cân nhắc trong trường hợp chỉ số tiếp tục đi lên nhưng thanh khoản sụt giảm.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1507-1512

Kháng cự gần: 1491-1493

Hỗ trợ gần: 1480-1482

Hỗ trợ xa: 1468-1473

— F1 có diễn biến hồi phục với các nhịp tăng gổ đầu trong phiên.

— Chỉ số vẫn đang vận động trong vùng tích lũy nằm ngang theo mẫu hình tam giác hướng lên. Tuy nhiên, khi xu hướng tăng chủ đạo đang được duy trì, cơ hội tiếp tục đi lên sẽ được đánh giá cao hơn.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ và chốt lời ngắn khi chạm vượt đỉnh.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở lại 1 phần vị thế tại các vùng hỗ trợ intraday nhưng vẫn cần tuân thủ điểm Stop.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

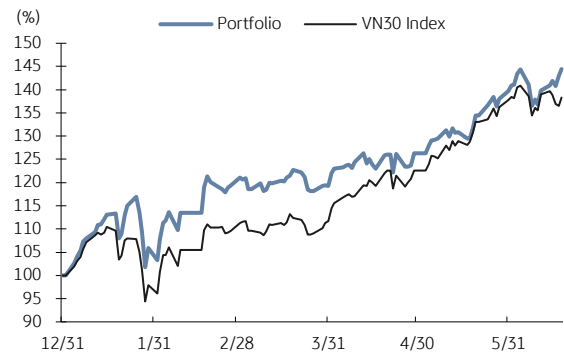
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.33%	0.99%
Tăng lũy kế (YTD)	38.34%	44.45%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 18/06/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	141,000	1.4%	21.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	39,900	3.0%	63.2%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	98,000	2.6%	27.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	40,550	1.6%	138.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	59,700	-0.5%	75.6%	- Mảng cho thuê vẫn phòng ngừa lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	83,800	1.5%	187.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	51,200	1.4%	109.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	92,700	-1.3%	26.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	52,100	1.4%	259.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	38,500	-1.2%	181.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PDR	0.4%	3.4%	243.7
HSG	2.9%	8.8%	210.5
APH	6.4%	33.3%	168.6
VCB	4.1%	23.3%	131.2
STB	0.9%	11.7%	128.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MBB	1.6%	21.6%	-98.3
NVL	0.8%	8.1%	-93.8
CTG	1.4%	25.3%	-93.0
DXG	0.0%	26.1%	-58.8
SSI	0.0%	47.7%	-45.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DST	9.3%	0.6%	0.6
TVB	-4.5%	0.1%	0.5
PVS	-0.3%	8.0%	0.4
INN	3.2%	7.0%	0.2
CLH	3.8%	0.6%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VND	-0.5%	20.0%	-9.2
TNG	1.6%	3.3%	-4.5
PAN	0.0%	35.6%	-4.0
NRC	0.0%	7.6%	-3.8
PVC	-1.7%	5.3%	-3.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	14.5%	GVR, DGC
Bảo hiểm	6.7%	BVH, BMI
Dịch vụ tài chính	6.3%	VCI, VND
Ô tô và phụ tùng	6.2%	TCH, DRC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5.4%	GAS, POW

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-2.6%	ADG, PNC
Du lịch và Giải trí	-1.3%	HVN, RIC
Tài nguyên Cơ bản	-0.7%	HPG, SHI
Ngân hàng	-0.5%	VPB, CTG
Công nghệ thông tin	0.4%	CMG, SGT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	28.0%	GVR, DGC
Dịch vụ tài chính	27.0%	SSI, VND
Bảo hiểm	15.7%	BVH, BMI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.6%	GAS, POW
Tài nguyên Cơ bản	8.5%	HPG, HSG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-9.8%	ADG, PNC
Bán lẻ	-1.3%	MWG, DGW
Dầu khí	0.5%	PLX, PVD
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.2%	PNJ, RAL
Du lịch và Giải trí	2.7%	HVN, RIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USD mn)	GTGD (VNĐ triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1đ)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	262,289 (11.4)	22.5	57.7	43.1	14.7	7.8	9.5	4.3	3.8	0.3	-0.5	-3.0	8.5
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	467,489 (20.3)	26.6	12.1	11.1	35.9	31.2	26.8	3.2	2.6	3.2	6.1	13.8	25.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	212,860 (9.2)	17.8	25.5	20.5	-7.6	9.3	10.8	2.4	2.1	-1.1	3.2	8.3	3.5
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	240,908 (10.5)	31.3	34.7	29.8	6.7	16.5	12.6	4.2	4.3	0.8	-1.8	-1.4	114.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	141,658 (6.2)	11.6	19.4	15.3	18.0	14.2	15.6	2.6	2.2	1.2	1.5	14.1	40.2
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	378,928 (16.5)	13.9	9.4	8.5	-	19.1	18.2	1.7	1.4	0.0	-4.4	4.3	51.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	247,539 (10.8)	6.3	17.7	14.8	11.7	22.1	21.7	3.4	2.9	4.1	5.5	14.7	10.8
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	251,736 (10.9)	12.7	19.7	14.4	-5.3	12.0	14.6	2.1	1.8	0.5	2.1	12.8	-3.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	929,445 (40.4)	0.0	11.0	9.4	14.3	19.8	19.2	2.0	1.6	1.6	-3.0	5.5	61.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	829,454 (36.0)	1.4	11.7	9.7	61.1	19.8	20.0	1.9	1.7	1.4	-3.2	10.0	48.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	2,726,944 (118.5)	0.0	11.8	11.2	18.8	21.6	18.5	2.2	1.8	0.8	-7.3	-1.0	104.6
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	967,027 (42.0)	0.0	10.3	8.8	14.6	21.2	20.7	1.9	1.6	1.6	2.9	21.8	77.9
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	204,291 (8.9)	4.2	10.0	8.1	23.3	21.8	21.2	1.9	1.6	1.9	-0.6	11.9	44.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	1,153,827 (50.1)	14.0	25.5	17.4	26.5	8.8	11.0	1.7	1.6	0.9	-2.8	8.6	75.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	191,578 (8.3)	0.0	8.3	7.0	37.5	23.0	21.4	1.7	1.4	0.3	-3.0	10.6	32.5
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	33,164 (1.4)	0.2	43.1	23.4	27.3	5.8	10.0	2.1	2.0	2.8	-2.0	14.6	54.8
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	71,918 (3.1)	21.0	26.4	23.4	15.2	8.4	9.0	2.1	2.0	-1.6	6.5	13.0	-7.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	30,073 (1.3)	14.2	18.1	14.3	9.1	9.7	11.7	1.5	1.4	3.5	19.0	22.5	26.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	750,692 (32.6)	55.4	20.7	16.1	-3.2	14.3	16.2	-	-	0.0	0.8	43.3	52.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	227,813 (9.9)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	6.8	14.4	45.8	80.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	263,067 (11.4)	52.4	21.3	-	-19.0	17.1	-	2.9	-	0.3	13.2	29.3	42.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	313,766 (13.6)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-0.5	9.8	69.9	132.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	327,107 (14.2)	42.1	18.7	17.6	4.0	33.9	34.5	5.8	5.5	1.2	0.1	5.9	-15.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	33,056 (1.4)	36.9	22.3	19.4	7.3	23.2	23.6	4.7	4.3	3.1	4.3	11.2	-12.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	181,414 (7.9)	16.5	46.5	26.5	-51.9	12.9	17.9	6.1	4.9	3.4	0.5	1.3	19.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	126,369 (5.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	6.3	3.3	-24.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	60,105 (2.6)	11.0	154.7	23.7	-88.5	3.8	16.6	3.4	2.8	-0.4	0.4	2.7	-7.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	118,429 (5.1)	10.8	26.6	19.4	-57.0	8.6	11.5	2.1	2.0	-0.2	6.3	16.1	34.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	51,809 (2.3)	38.4	15.1	9.1	65.7	6.5	9.9	1.1	1.0	1.0	1.6	-2.3	-9.8
Công nghiệp (Trư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	137,955 (6.0)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-2.4	4.3	-1.0	176.7
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	17,224	10,411 (452)	137,499 (6.0)	37.7	10.4	15.7	-12.7	12.6	14.8	-	-	1.3	1.3	16.3	28.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	29,103 (1.3)	3.6	14.1	12.5	-52.4	4.0	4.4	0.5	0.5	0.0	-0.5	14.7	-19.6
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	44,888 (2.0)	0.0	10.2	8.2	-4.5	13.4	15.2	1.3	1.2	-0.5	8.7	7.6	22.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	88,791 (3.9)	46.1	17.7	16.4	-17.5	20.2	20.3	3.4	3.2	-1.3	6.6	13.0	7.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	8,870 (0.4)	31.4	13.8	8.9	-10.5	10.5	16.3	-	-	1.2	6.9	5.3	-14.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	5,661 (0.2)	34.1	9.7	9.7	-5.1	12.2	13.4	1.2	1.3	0.2	1.5	0.2	-1.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,686,715 (73.3)	18.0	8.7	8.1	21.9	38.9	28.5	2.6	2.0	1.4	-1.9	10.9	69.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	41,015 (1.8)	36.5	12.7	14.3	-0.5	9.3	7.8	1.1	1.0	5.3	7.5	22.9	21.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	78,582 (3.4)	46.5	19.8	19.2	-4.5	9.3	9.0	1.7	-	0.5	6.6	22.3	45.0
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	513,530 (22.3)	38.9	6.7	8.7	67.9	40.8	23.3	2.2	1.7	2.9	7.4	23.0	113.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	118,614 (5.2)	97.2	12.4	13.5	17.2	10.5	11.0	1.2	1.2	1.6	20.8	28.4	35.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	230,047 (10.0)	4.6	20.8	17.3	-51.0	15.7	16.7	2.9	2.8	-0.4	4.6	4.6	3.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	238,876 (10.4)	39.9	46.6	22.9	-11.9	1.5	3.3	0.7	0.7	-1.9	2.9	11.3	42.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	118,946 (5.2)	35.9	9.7	9.2	1.2	13.6	13.4	1.3	1.2	-1.7	3.0	27.5	48.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	108,639 (4.7)	0.0	12.9	10.3	13.7	28.1	28.3	3.3	2.7	1.4	2.9	-0.5	18.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	45,599 (2.0)	0.0	16.6	13.1	2.4	24.6	24.0	3.6	2.9	2.6	1.1	4.8	21.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,571 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-3.0	-3.4	-54.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	31,178 (1.4)	30.3	21.4	15.0	-75.2	8.5	11.8	1.8	1.7	2.9	9.2	10.4	-10.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	50,795 (2.2)	34.6	9.3	13.1	41.2	23.8	19.9	2.3	2.4	-0.8	8.9	15.7	-6.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,349 (0.1)	45.4	17.0	15.6	10.7	20.5	20.7	3.3	2.9	0.9	1.9	-0.1	-7.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	220 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	2.7	7.7	9.8
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	238,678 (10.4)	0.0	19.0	15.6	15.6	25.6	26.4	4.2	3.7	1.5	0.4	10.8	63.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu (dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)		
Mua:	Nằm giữa:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành (dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)		
Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.